

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**  
***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*  
*đã được kiểm toán*

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 38</b>
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 38

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô số 8 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 tiền thân là Công ty Vận tải Ô tô số 8 được thành lập theo Quyết định số 1526/2003/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty Vận tải Ô tô số 8 thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 và được cấp lại Mã số doanh nghiệp từ Đăng ký kinh doanh số 0103002535 ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số là 0100108913 ngày 15 tháng 5 năm 2012 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 27.249.450.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 38).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

---

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Quang Vinh	Chủ tịch	
Ông Bùi Văn Hữu	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Đức	Ủy viên	
Ông Nguyễn Việt Long	Ủy viên	
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên	
Ông Cao Đức Thắng	Ủy viên	
Bà Phạm Thị Song Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 13/10/2015
Ông Nguyễn Vi Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/08/2015

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cao Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Vũ Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Vi Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/08/2015
Ông Phạm Quang Vinh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/6/2015
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15/6/2015

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc** (tiếp theo)

---

tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2016*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Phạm Văn Đức**

Số : .../2016/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô số 8, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Bùi Thị Ngọc Lân**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0300-2013-152-1

**Trần Thị Mai**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510 - 2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.511.122.462</b>	<b>15.077.841.192</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.508.352.812</b>	<b>2.682.373.514</b>
1.	Tiền	111	V.01	2.508.352.812	2.682.373.514
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.991.865.849</b>	<b>11.090.721.953</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.257.868.942	6.457.725.799
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		308.300.000	1.182.700.281
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.925.696.907	3.450.295.873
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(500.000.000)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.610.342.593</b>	<b>496.612.947</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.05	2.610.342.593	496.612.947
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.400.561.208</b>	<b>808.132.778</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	934.301.168	636.485.791
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	126.118.136
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	466.260.040	45.528.851
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.006.013.686</b>	<b>24.056.614.958</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>300.000.000</b>	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	300.000.000	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.236.482.958</b>	<b>21.933.412.981</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	30.236.482.958	21.933.412.981
	- Nguyên giá	222		40.398.043.957	37.522.495.085
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.161.560.999)	(15.589.082.104)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.08	<b>5.472.632.671</b>	-
1.	Nguyên giá	231		7.369.427.959	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1.896.795.288)	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.07	<b>157.997.631</b>	<b>786.310.090</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		157.997.631	786.310.090
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.02	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.338.900.426</b>	<b>836.891.887</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	1.328.670.926	836.891.887
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.229.500	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>66.517.136.148</b>	<b>39.134.456.150</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.456.164.588</b>	<b>5.664.330.673</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.249.050.950</b>	<b>1.333.539.006</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.770.944.426	77.240.350
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		975.400.000	460.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	236.363.500	338.711.670
4.	Phải trả người lao động	314		-	100.000.000
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	29.760.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	292.590.404	52.315.482
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	12.914.983.636	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		58.768.984	275.511.504
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.207.113.638</b>	<b>4.330.791.667</b>
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	12.207.113.638	4.330.791.667
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.060.971.560</b>	<b>33.470.125.477</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>30.060.971.560</b>	<b>33.470.125.477</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.249.450.000	27.249.450.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.249.450.000	27.249.450.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		550.000	550.000
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		435.820.928	435.820.928
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.139.789.235	1.739.789.235
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		235.361.397	4.044.515.314
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		235.361.397	4.044.515.314
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>66.517.136.148</b>	<b>39.134.456.150</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Hồng Vân

Phạm Quang Vinh

Phạm Văn Đức

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2015**

*Đơn vị tính: VND*

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1.</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>154.889.813.744</b>	<b>87.452.156.609</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3.</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>154.889.813.744</b>	<b>87.452.156.609</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	145.913.996.827	78.135.111.744
<b>5.</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>8.975.816.917</b>	<b>9.317.044.865</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	431.619.073	581.662.701
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.491.386.367	80.485.597
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.491.386.367</i>	<i>80.485.597</i>
8.	Chi phí bán hàng	25		2.218.037.223	1.307.353.559
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.471.006.399	3.332.643.648
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.227.006.001</b>	<b>5.178.224.762</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	4.214.071.298	-
12.	Chi phí khác	32	VI.06	5.037.456.614	-
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(823.385.316)</b>	-
<b>14.</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>403.620.685</b>	<b>5.178.224.762</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	168.259.288	1.133.709.448
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>235.361.397</b>	<b>4.044.515.314</b>
<b>18.</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.08</b>	<b>86</b>	<b>1.484</b>
<b>19.</b>	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.09</b>	<b>86</b>	<b>1.484</b>

*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2016*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**Đỗ Thị Hồng Vân**

**Phạm Quang Vinh**

**Phạm Văn Đức**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		156.249.590.303	85.900.187.019
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(135.123.133.053)	(72.525.156.339)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.275.064.777)	(11.100.264.780)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(1.414.420.867)	(80.485.597)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(968.008.129)	(951.046.943)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.296.815.681	8.038.710.500
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.815.937.445)	(8.106.348.688)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.050.158.287)</b>	<b>1.175.595.172</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(20.887.983.994)	(10.587.887.131)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		5.838.727.273	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.550.199	534.913.247
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15.007.706.522)</b>	<b>(4.052.973.884)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		40.282.020.000	3.985.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(19.490.714.393)	(284.208.333)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.907.461.500)	(1.600.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>17.883.844.107</b>	<b>2.100.791.667</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(174.020.702)</b>	<b>(776.587.045)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.682.373.514</b>	<b>3.458.960.559</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>2.508.352.812</b>	<b>2.682.373.514</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Hồng Vân

Phạm Quang Vinh

Phạm Văn Đức

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2015**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do có một số thay đổi theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC so với Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC nhưng không yêu cầu điều chỉnh hồi tố nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **02. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

#### **03. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm

### **06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

#### ***Nguyên giá***

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

#### ***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	04 – 15 năm
-----------	-------------

### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi***

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Đơn vị tính: VND*

### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	207.638.903	2.463.124.144
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.300.713.909	219.249.370
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.508.352.812</u></b>	<b><u>2.682.373.514</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**02. Các khoản đầu tư tài chính***Đơn vị tính: VND***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>

**Thông tin chi tiết đầu tư vào đơn vị khác:**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	Số 11, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà nội	10%	10%	- Bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, hoán cải phương tiện vận tải đường bộ. - Vận tải hàng hóa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH Kerry Integrated Logistics	13.980.000.000	-
- Công ty Cổ phần ô tô số 8 TMT	1.194.745.916	692.659.389
- Công ty Quảng cáo Hưng Yên	1.155.000.000	-
- Công ty TNHH dịch vụ chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	-	982.473.109
- Công ty TNHH Kart	-	941.050.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.928.123.026	3.841.543.301
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>19.257.868.942</u></b>	<b><u>6.457.725.799</u></b>
<b>c. Các bên liên quan</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.194.745.916	692.659.389
- Công ty Cổ phần ô tô số 8 TMT	1.194.745.916	692.659.389
- Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải ô tô	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.194.745.916</u></b>	<b><u>692.659.389</u></b>

**04. Phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	1.878.282.273	-	1.499.109.620	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	300.000.000	-
- Phải thu khác	1.047.414.634	-	1.651.186.253	-
+ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	-	-	334.740.400	-
+ Công ty TNHH TM&SX Thiên Trường An	1.000.000.000	-	1.250.000.000	-
+ Phải thu khác	47.414.634	-	66.445.853	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>300.000.000</b>	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.225.696.907</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.450.295.873</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	114.782.795	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	10.229.500	-
- Hàng hoá	2.495.559.798	-	486.383.447	-
<b>Cộng</b>	<b>2.610.342.593</b>	<b>-</b>	<b>496.612.947</b>	<b>-</b>

**06. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	-	786.310.090
+ <i>Mua sắm container</i>	-	666.721.675
+ <i>Nhà làm việc 801</i>	-	100.009.509
+ <i>Nâng cấp công trình 83 Ngọc Hồi</i>	-	19.578.906
+ <i>Nhà vệ sinh Công ty</i>	157.997.631	-
<b>Cộng</b>	<b>157.997.631</b>	<b>786.310.090</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>11.791.383.657</b>	<b>210.562.002</b>	<b>25.425.656.244</b>	<b>94.893.182</b>	<b>37.522.495.085</b>
- Mua trong năm	-	1.247.678.000	11.609.853.075	-	12.857.531.075
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	8.658.765.378	-	-	-	8.658.765.378
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.097.402.678)	(429.300.000)	(8.744.616.944)	-	(11.271.319.622)
- Giảm khác	(7.369.427.959)	-	-	-	(7.369.427.959)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.983.318.398</b>	<b>1.028.940.002</b>	<b>28.290.892.375</b>	<b>94.893.182</b>	<b>40.398.043.957</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.368.199.709</b>	<b>210.562.002</b>	<b>8.944.411.393</b>	<b>65.909.000</b>	<b>15.589.082.104</b>
- Khấu hao trong năm	651.466.756	45.260.000	2.635.564.000	12.876.000	3.345.166.756
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.619.546.573)	(25.555.000)	(5.230.791.000)	-	(6.875.892.573)
- Giảm khác	(1.896.795.288)	-	-	-	(1.896.795.288)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.503.324.604</b>	<b>230.267.002</b>	<b>6.349.184.393</b>	<b>78.785.000</b>	<b>10.161.560.999</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>5.423.183.948</b>	<b>-</b>	<b>16.481.244.851</b>	<b>28.984.182</b>	<b>21.933.412.981</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>7.479.993.794</b>	<b>798.673.000</b>	<b>21.941.707.982</b>	<b>16.108.182</b>	<b>30.236.482.958</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thuê chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay : 17.437.530.317 đồng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.683.324.120 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	-	<b>7.369.427.959</b>	-	<b>7.369.427.959</b>
- Nhà	-	7.369.427.959	-	7.369.427.959
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	<b>1.896.795.288</b>	-	<b>1.896.795.288</b>
- Nhà	-	1.896.795.288	-	1.896.795.288
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	-	<b>5.472.632.671</b>	-	<b>5.472.632.671</b>
- Nhà	-	5.472.632.671	-	5.472.632.671

**09. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>934.301.168</b>	<b>636.485.791</b>
- Chi phí bảo hiểm	594.200.500	500.199.904
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	79.690.476	14.108.433
- Phí bảo trì, sử dụng đường bộ	196.356.200	113.822.000
- Các khoản khác	64.053.992	8.355.454
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.328.670.926</b>	<b>836.891.887</b>
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	465.512.900	233.777.659
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	820.050.000	550.907.228
- Chi phí cho giai đoạn triển khai làm thủ tục xác định tiền thuê đất khu vực phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	43.108.026	52.207.000
<b>Cộng</b>	<b>2.262.972.094</b>	<b>1.473.377.678</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	-	-	<b>29.313.383.636</b>	<b>(16.398.400.000)</b>	<b>12.914.983.636</b>	<b>12.914.983.636</b>
- <i>Vay ngân hàng</i>	-	-	<b>18.537.020.000</b>	<b>(13.818.400.000)</b>	<b>4.718.620.000</b>	<b>4.718.620.000</b>
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai <sup>(a)</sup>	-	-	18.537.020.000	(13.818.400.000)	4.718.620.000	4.718.620.000
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-	7.040.000.000	(2.580.000.000)	4.460.000.000	4.460.000.000
+ Công ty cổ phần ô tô TMT <sup>(b)</sup>	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Vay cá nhân <sup>(c)</sup>	-	-	4.040.000.000	(2.580.000.000)	1.460.000.000	1.460.000.000
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	<b>3.736.363.636</b>	-	<b>3.736.363.636</b>	<b>3.736.363.636</b>
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai <sup>(*)</sup>	-	-	3.616.363.636	-	3.616.363.636	3.616.363.636
+ Công ty Ford thủ đô <sup>(**)</sup>	-	-	120.000.000	-	120.000.000	120.000.000
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>15.375.000.000</b>	<b>(7.498.678.029)</b>	<b>12.207.113.638</b>	<b>12.207.113.638</b>
<b>b.1. Vay dài hạn</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>15.375.000.000</b>	<b>(7.498.678.029)</b>	<b>12.207.113.638</b>	<b>12.207.113.638</b>
<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>15.375.000.000</b>	<b>(7.498.678.029)</b>	<b>12.207.113.638</b>	<b>12.207.113.638</b>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<b>3.820.791.667</b>	<b>3.820.791.667</b>	<b>15.375.000.000</b>	<b>(7.258.678.029)</b>	<b>11.937.113.638</b>	<b>11.937.113.638</b>
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai <sup>(*)</sup>	3.820.791.667	3.820.791.667	15.375.000.000	(7.258.678.029)	11.937.113.638	11.937.113.638
- <i>Vay đối tượng khác</i>	510.000.000	510.000.000	-	(240.000.000)	270.000.000	270.000.000
+ Công ty Ford thủ đô <sup>(**)</sup>	510.000.000	510.000.000	-	(240.000.000)	270.000.000	270.000.000
<b>b.2. Nợ thuê tài chính</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>44.688.383.636</b>	<b>(23.897.078.029)</b>	<b>25.122.097.274</b>	<b>28.738.460.910</b>



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(a): Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng tín dụng số 0304/2015-HĐTDHM/NHCT136-OTOSO8 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ là 9,5%. Ngay sau khi Ngân hàng giải ngân, các tài sản hình thành từ vốn vay sẽ được đưa vào thế chấp toàn bộ cho khoản vay.

(b): Là số tiền vay Công ty Cổ phần Ô tô TMT, lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng theo Hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/2015-HĐHTV ngày 25/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô số 8 và Công ty Cổ phần ô tô TMT

(c): Khoản vay cá nhân là các khoản vay có thời hạn vay 3 tháng và có lãi suất 9%/năm.

### **Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(\*) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai, bao gồm 4 hợp đồng vay:

Hợp đồng tín dụng số 1009/2015-HDDTDDDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư cải tạo bãi xe, nhà kho, nhà xưởng với tổng giá trị vay không vượt quá 4.000.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 05/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giá trị vay không vượt quá 5.000.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích Xây dựng nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất cho Trung tâm vận tải Tứ Kỳ với tổng giá trị vay 900.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 08/2014-HĐTDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giá trị không vượt quá 9.000.000.000 đồng và thời hạn cho vay các khoản nợ là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Các khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản đảm vào theo các hợp đồng bảo đảm, cụ thể:

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 143/2015/HĐTC ký ngày 14/01/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 1119/2015/HĐTC ký ngày 26/3/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 1302/2015/HĐTC ký ngày 13/2/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 3428/2015/HĐTC ký ngày 12/08/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Tổng nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản thế chấp lần lượt là 18.998.448.317 đồng và 17.437.530.317 đồng.

(\*\*) Là số tiền vay Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô, lãi suất 0% theo Hợp đồng liên kết số 04/2002/HĐ-LK giữa Công ty Vận tải Ô tô số 8 và Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô ngày 26 tháng 7 năm 2002.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**11. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	<b>9.770.944.426</b>	<b>9.770.944.426</b>	<b>77.240.350</b>	<b>77.240.350</b>
- Công ty CP ô tô TMT	5.646.954.226	5.646.954.226	-	-
- Công ty Ninh Hải	1.430.000.000	1.430.000.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.693.990.200	2.693.990.200	77.240.350	77.240.350
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.770.944.426</b>	<b>9.770.944.426</b>	<b>77.240.350</b>	<b>77.240.350</b>

  

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty CP ô tô TMT	5.646.954.226	5.646.954.226	-	-
- Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật và Vận tải ô tô	-	-	77.240.350	77.240.350
<b>Cộng</b>	<b>5.646.954.226</b>	<b>5.646.954.226</b>	<b>77.240.350</b>	<b>77.240.350</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.046.894.271	847.148.526	-	199.745.745
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	337.711.670	168.259.288	968.008.130	462.037.172	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.000.000	36.620.755	1.003.000	-	36.617.755
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	45.528.851	-	13.989.475.924	13.948.169.941	4.222.868	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.528.851</b>	<b>338.711.670</b>	<b>15.241.250.238</b>	<b>15.764.329.597</b>	<b>466.260.040</b>	<b>236.363.500</b>

*Đơn vị tính: VND*

**13. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>292.590.404</b>	<b>52.315.482</b>
- Kinh phí công đoàn	40.518.068	15.304.112
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	7.416.530
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	252.072.336	29.594.840
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
	<b>292.590.404</b>	<b>52.315.482</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	20.000.000.000	7.250.000.000		1.915.610.163	2.725.789.849	31.891.400.012
Tăng vốn trong năm trước	7.249.450.000	-	-	-	-	7.249.450.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.044.515.314	4.044.515.314
Tăng khác	-	-	435.820.928	-	-	435.820.928
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	260.000.000	(2.725.789.849)	(2.465.789.849)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(7.249.450.000)	-	(435.820.928)	-	(7.685.270.928)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>27.249.450.000</b>	<b>550.000</b>	<b>435.820.928</b>	<b>1.739.789.235</b>	<b>4.044.515.314</b>	<b>33.470.125.477</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>27.249.450.000</b>	<b>550.000</b>	<b>435.820.928</b>	<b>1.739.789.235</b>	<b>4.044.515.314</b>	<b>33.470.125.477</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	235.361.397	235.361.397
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	400.000.000	(4.044.515.314)	(3.644.515.314)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>27.249.450.000</b>	<b>550.000</b>	<b>435.820.928</b>	<b>2.139.789.235</b>	<b>235.361.397</b>	<b>30.060.971.560</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tỷ lệ</b>
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
- Vốn góp của công ty CP ô tô TMT	14.760.410.000	54%	14.760.410.000	54%
- Vốn góp của các đối tượng khác	12.489.040.000	46%	12.489.040.000	46%
+ Tổng công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam	6.433.260.000	23,61%	6.433.260.000	23,61%
+ Các đối tượng khác	6.055.780.000	22,22%	6.055.780.000	22,22%
<b>Cộng</b>	<b>27.249.450.000</b>	<b>100%</b>	<b>27.249.450.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.249.450.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	7.249.450.000
+ Vốn góp cuối năm	27.249.450.000	27.249.450.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.907.461.500	1.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.907.461.500	1.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.724.945	2.724.945
+ Cổ phiếu phổ thông	2.724.945	2.724.945
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.724.945	2.724.945
+ Cổ phiếu phổ thông	2.724.945	2.724.945
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**e. Các quỹ của Công ty**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.139.789.235	1.739.789.235
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.139.789.235</b>	<b>1.739.789.235</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**15. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

Nợ khó đòi đã xử lý đến thời điểm 31/12/2015 như sau:

<b>Đối tượng</b>	<b>Giá trị nợ khó đòi đã xóa</b>	<b>Nguyên nhân đã xóa</b>
Công ty CP Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Đông Nam Á (Tiền mua xe ô tô)	150.052.500	Khách hàng đã giải thể
<b>Cộng</b>	<b>150.052.500</b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	94.143.909.087	39.748.363.641
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.920.858.008	47.703.792.968
Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.825.046.649	
<b>Cộng</b>	<b>154.889.813.744</b>	<b>87.452.156.609</b>

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan:		
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT	22.892.889.688	5.686.941.811
- Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải ô tô	400.124.000	2.846.618.967

**02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	89.323.495.452	39.393.827.134
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.867.673.448	38.741.284.610
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	10.722.827.927	-
<b>Cộng</b>	<b>145.913.996.827</b>	<b>78.135.111.744</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.889.073	272.007.701
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000	25.000.000
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	384.730.000	284.655.000
<b>Cộng</b>	<b>431.619.073</b>	<b>581.662.701</b>

**04. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	1.491.386.367	80.485.597
<b>Cộng</b>	<b>1.491.386.367</b>	<b>80.485.597</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Bán thanh lý tài sản	3.862.443.548	-
- Thu nhập khác	351.627.750	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.214.071.298</u></b>	<b><u>-</u></b>

**06. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế đất bổ sung của những năm trước	5.009.129.819	-
- Chi phí khác	28.326.795	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.037.456.614</u></b>	<b><u>-</u></b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.133.709.448
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay <sup>(i)</sup>	168.259.288	-
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>168.259.288</u></b>	<b><u>1.133.709.448</u></b>

<sup>(i)</sup> :Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	<u>Hoạt động khác ngoài chuyển nhượng BDS</u>	<u>Hoạt động chuyển nhượng BDS</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>(361.194.262)</b>	<b>764.814.947</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	30.000.000	-
<i>Cổ tức được trả</i>	<i>30.000.000</i>	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(361.194.262)	764.814.947
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thuế TNDN	-	168.259.288
Thuế TNDN được giảm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>168.259.288</b>

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	235.361.397	4.044.515.315
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	235.361.397	4.044.515.315
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.724.945	2.724.945
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>86</u></b>	<b><u>1.484</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	235.361.397	4.044.515.315
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	235.361.397	4.044.515.315
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	2.724.945	2.724.945
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>86</u></b>	<b><u>1484</u></b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.809.044.978	12.796.421.127
- Chi phí nhân công	9.578.020.781	10.700.264.780
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.362.845.775	2.295.149.968
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.590.022.434	11.353.992.040
- Chi phí khác bằng tiền	20.957.917.199	6.235.453.902
<b>Cộng</b>	<b><u>70.297.851.167</u></b>	<b><u>43.381.281.817</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	650.466.000	674.973.000
Phụ cấp	-	48.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>650.466.000</u></b>	<b><u>722.973.000</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Ô tô TMT	Công ty mẹ chiếm 54,17% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Vật tư và Kỹ thuật Vận tải Ô tô	Ông Phạm Văn Đức là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư và Kỹ thuật Vận tải Ô tô

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Ô tô TMT</i></b>		
Mua hàng hóa	105.540.534.507	37.465.909.068
Mua tài sản	-	4.863.636.365
Phí điều chuyển xe	-	5.517.790
Tiền chiết khấu thanh toán nhận được	384.730.000	284.655.000
Cổ tức trả trong năm	-	866.666.400
<b><i>Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải ô tô</i></b>		
Cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	400.124.000	903.663.600
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	1.942.955.367
Bán tài sản cố định	1.631.017.727	-

### **03. Thay đổi chính sách kế toán**

Trong năm, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **04. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

#### ***Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	<b>Dịch vụ</b>	<b>Thương mại</b>	<b>Kinh doanh BĐS</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	48.920.858.008	94.143.909.087	11.825.046.649	154.889.813.744
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	48.315.080.862	94.033.316.794	11.314.410.087	153.662.807.743
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	<b>605.777.146</b>	<b>110.592.293</b>	<b>510.636.562</b>	<b>1.227.006.001</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	4.385.026.634	8.438.599.925	1.059.939.392	13.883.565.951
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.175.385.894	2.261.927.268	284.111.800	3.721.424.962
<b>Số dư cuối năm</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.058.802.427	38.601.409.480	4.848.571.429	63.508.783.336
- Tài sản không phân bổ				3.008.352.812
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20.058.802.427</b>	<b>38.601.409.480</b>	<b>4.848.571.429</b>	<b>66.517.136.148</b>
- Nợ phải trả bộ phận	11.495.861.343	22.122.778.896	2.778.755.365	36.397.395.604
- Nợ phải trả không phân bổ				58.768.984
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>11.495.861.343</b>	<b>22.122.778.896</b>	<b>2.778.755.365</b>	<b>36.456.164.588</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<b>Dịch vụ</b>	<b>Thương mại</b>	<b>Kinh doanh BĐS</b>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	47.703.792.968	39.748.363.641	-	87.452.156.609
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	43.003.808.731	39.270.123.116	-	82.273.931.847
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.699.984.237	478.240.525	-	5.178.224.762
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	715.716.440	596.358.394	-	1.312.074.834
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.468.496.156	1.223.599.122	-	2.692.095.278
<b>Số dư cuối năm</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	19.623.379.691	16.828.702.945	-	36.452.082.636
- Tài sản không phân bổ				2.682.373.514
<b>Tổng tài sản</b>	<b>19.623.379.691</b>	<b>16.828.702.945</b>		<b>39.134.456.150</b>
- Nợ phải trả bộ phận	2.939.517.148	2.449.302.021	-	5.388.819.169
- Nợ phải trả không phân bổ				275.511.504
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.939.517.148</b>	<b>2.449.302.021</b>	-	<b>5.664.330.673</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.508.352.812	-	2.682.373.514	-	2.508.352.812	2.682.373.514
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.483.565.849	-	9.908.021.672	-	22.483.565.849	9.908.021.672
Đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.491.918.661</b>	<b>-</b>	<b>13.090.395.186</b>	<b>-</b>	<b>25.491.918.661</b>	<b>13.090.395.186</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	9.770.944.426	77.240.350	9.770.944.426	77.240.350
Vay và nợ	25.122.097.274	4.330.791.667	25.122.097.274	4.330.791.667
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	252.072.336	29.594.840	252.072.336	29.594.840
<b>Cộng</b>	<b>35.145.114.036</b>	<b>4.437.626.857</b>	<b>35.145.114.036</b>	<b>4.437.626.857</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 01. Tài sản đảm bảo

#### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (xem thuyết minh số V.07 và V.09). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
<b>Số cuối năm</b>		
Phương tiện vận tải gồm:		
+ 15 xe ô tô đầu kéo	13.323.774.227	Điều khoản và điều kiện thế chấp được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số: 1009/2015-HDDTDDDDA/NHCT136-OTO8; 05/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8;
+ 15 chiếc somi romooc	4.113.756.090	01/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8; 08/2014-HDTDDA/NHCT 136- OTO8 ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.
<b>Cộng</b>	<b><u>17.437.530.317</u></b>	
<b>Số đầu năm</b>		
Phương tiện vận tải gồm:		
+ 05 xe ô tô đầu kéo	4.945.149.737	Điều khoản và điều kiện thế chấp được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số 08/2014-HDTDDA/NHCT 136- OTO8 ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.
+ 10 chiếc somi romooc	3.043.039.180	
<b>Cộng</b>	<b><u>7.988.188.917</u></b>	

### 02. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 03. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	9.770.944.426	-	-	9.770.944.426
Vay và nợ	12.914.983.636	12.207.113.638	-	25.122.097.274
Các khoản phải trả khác	252.072.336	-	-	252.072.336
<b>Cộng</b>	<b>22.938.000.398</b>	<b>12.207.113.638</b>	<b>-</b>	<b>35.145.114.036</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	77.240.350	-	-	77.240.350
Vay và nợ	-	4.330.791.667	-	4.330.791.667
Các khoản phải trả khác	29.594.840	-	-	29.594.840
<b>Cộng</b>	<b>106.835.190</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>-</b>	<b>4.437.626.857</b>

**04. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**05. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	1.499.109.620	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
3	Quỹ dự phòng tài chính	768.642.260	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**06. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2016*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Đỗ Thị Hồng Vân**

**Phạm Quang Vinh**

**Phạm Văn Đức**